

**KỶ VỌNG SỰ LẠC QUAN TRỞ LẠI**

## Quốc tế

- Phố Wall có phiên biến động tích cực trở lại trong phiên giao dịch hôm qua. Chỉ số Dow Jones tăng 108,82 điểm (+0,33%), chỉ số NASDAQ tăng 83,33 điểm (+0,72%) và chỉ số S&P 500 tăng 21,27 điểm (+0,53%). Cổ phiếu của hầu hết các nhóm ngành đều có dấu hiệu tích cực trở lại cùng xu hướng chung của thị trường.
- Chứng khoán châu Âu có diễn biến trái chiều trong ngày giao dịch hôm qua. Chỉ số FTSE 100 (Anh) giảm 22,91 điểm (-0,29%), CAC 40 (Pháp) tăng 18,17 điểm (+0,25%). Trong khi đó, thị trường chứng khoán tại các nước Đông Nam Á có diễn biến trái chiều trong phiên giao dịch.
- Giá dầu WTI và Brent tăng lần lượt là 1,95% và 2,00% trong phiên giao dịch hôm qua. Bên cạnh đó giá một số vật liệu cơ bản như sữa, gas, lúa mì tăng điểm.
- Viện Kinh tế Đức Cologne cho biết cuộc khủng hoảng ở Ukraine đã gây thiệt hại cho nền kinh tế toàn cầu hơn 1.600 tỷ USD.
- Phát triển năng lượng Mặt Trời và điện gió giúp EU tiết kiệm 12 tỷ EURO.

## Trong nước

- Vnindex bắt đầu phiên giao dịch với tâm lý khá tiêu cực, thị trường liên tục bị sức ép bán tháo của nhà đầu tư cũng như khối ngoại nên đã có lúc giảm hơn 20 điểm, tuy nhiên sang đến phiên chiều khi sắp đóng cửa phiên giao dịch, chỉ số đã bất ngờ tăng trở lại trong thời gian rất ngắn trước sự ngỡ ngàng của các nhà đầu tư, đóng cửa chỉ số Vnindex giảm nhẹ 0,62 điểm về mốc 1053,66 điểm, giá trị giao dịch giảm so với phiên trước đó.
- Hầu hết các nhóm ngành đều biến động so với phiên trước đó, cổ phiếu một số nhóm ngành giảm điểm gây chú ý trong phiên giao dịch như y tế, ngành hàng tiêu dùng. Trong đó, nhiều mã ghi nhận sự chú ý của nhà đầu tư như HAG, IDI, AMV.
- Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng với giá trị hơn 680,84 tỷ, tập trung bán các cổ phiếu như VRE, VHM, FUEVFN. Bên cạnh đó, tự doanh tham gia bán ròng với 13,45 tỷ đồng.
- Theo Cục Hàng không Việt Nam, trong 2 tháng năm 2023, Hàng không đón gần 19,7 triệu lượt khách, tăng 91,5% so với cùng kỳ năm 2022.
- Ngày 23/2, giá vàng thế giới giảm 0,02% xuống 1.825,4 USD/ounce. Giá vàng SJC đang là 66,3 triệu đồng/lượng.

## Doanh nghiệp

- HPG: Thành viên HĐQT Hòa Phát chuyển nhượng xong 2 triệu cổ phiếu HPG cho các con.
- VHM: Hai dự án trọng điểm tại Hưng Yên của Vinhomes hứa hẹn mang về 61.500 tỷ đồng lãi ròng giai đoạn 2023- 2024.
- BHA: Thủy điện Bắc Hà báo lãi kỷ lục với 154,2 tỷ đồng năm 2022.
- BMS: Tổng giám đốc Chứng khoán Bảo Minh từ nhiệm chức vụ từ ngày 28/2, với lý do cá nhân.
- VCG: Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam đã thoái vốn hàng công 500.000 cổ phần tại CTCP Cơ điện Vinaconex.
- TCB: Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam cho khách hàng cá nhân hiện chiếm gần 54% tổng cho vay của Teccombank.
- MSN: CTCP Tập đoàn Masan sắp phát hành 2.000 tỷ đồng trái phiếu vào ngày 17/3 tới đây.
- BID: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển muốn bán khoản nợ 218,944 tỷ đồng của Công ty TNHH Công Bình.
- DRC: Doanh thu tháng 1/2023 của Cao su Đà Nẵng giảm 23% chỉ đạt 301 tỷ đồng.
- MBB: Ngân hàng Quân đội tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023 vào ngày 25/04/2023 tại Hà Nội.

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

CHỈ SỐ	24/02/2023	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% YTD
VN INDEX	1.053,66	-0,06%	-0,44%	-4,91%	4,62%
HNX30 INDEX	366,06	0,75%	-0,19%	-3,40%	10,56%
VN30 INDEX	1.050,95	-0,01%	-0,41%	-6,33%	4,55%
S&P 500	4.012,32	0,53%	-3,26%	-0,19%	4,50%
Dow Jones	33.153,91	0,33%	-2,85%	-1,41%	0,02%
Nasdaq	11.590,40	0,72%	-3,98%	1,99%	10,74%
Shanghai Composite	3.287,48	-0,11%	1,97%	0,69%	6,42%
Nikkei 225	27.313,14	0,77%	-1,38%	1,51%	4,67%
Thailand SET	1.652,47	-0,42%	-0,35%	-1,81%	-0,97%
Malaysia	1.458,85	0,08%	-1,22%	-2,76%	-2,45%
Philippine	6.685,90	-0,20%	-1,91%	-5,05%	1,82%
Indonesia JCI	6.839,45	0,43%	-0,82%	-0,31%	-0,16%
FTSE 100	7.907,72	-0,29%	-1,31%	1,94%	6,12%
DAX	15.475,69	0,49%	-0,37%	2,53%	11,15%
CAC 40	7.317,43	0,25%	-0,66%	3,79%	13,03%

Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities



## TOP CỔ PHIẾU TĂNG – GIẢM GIÁ

### Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
SRC	22.250	19.000	6,97%
AMD	1.540	5.881.900	6,94%
HOT	20.100	600	6,91%
CLW	25.550	400	6,90%
LAF	15.500	200	6,90%
MCP	18.100	200	6,78%
SMA	7.720	7.200	6,78%
HT1	15.050	1.688.800	6,74%
RDP	6.720	43.800	6,67%
GDT	33.950	145.000	6,59%

### HNX: Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
SDN	45.100	4.400	10,00%
CTB	23.900	1.100	9,63%
VNT	71.900	100	9,60%
BPC	12.700	400	9,48%
VDL	19.400	900	8,99%
VBC	21.900	1.100	8,96%
CX8	6.300	100	8,62%
MED	21.000	100	8,25%
NBP	14.000	300	7,69%
TNG	18.800	3.841.686	7,43%

### HSX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
UDC	4.270	48.100	-6,97%
SSC	30.800	300	-6,95%
SVI	57.700	700	-6,94%
APC	12.300	2.800	-6,82%
PTL	3.700	435.400	-6,80%
ABR	10.450	500	-6,70%
EMC	9.300	100	-6,63%
VRE	26.500	4.737.800	-5,69%
SC5	27.450	400	-5,34%
TIX	33.200	200	-5,14%

### HNX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
DNC	39.600	100	-10,00%
VSA	22.500	1.100	-10,00%
QHD	32.900	1.000	-9,86%
PPE	10.100	500	-9,82%
HHC	92.000	100	-9,80%
V12	13.800	1.200	-9,80%
VC9	4.700	26.600	-9,62%
GDW	18.500	100	-9,31%
SPC	14.100	100	-9,03%
VC1	8.600	100	-8,51%

## GIAO DỊCH CỦA KHỐI NGOẠI

**HSX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)**

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	HCM	13.241	FUEVFN30	82.778
2	STB	8.723	VHM	79.927
3	NT2	7.054	VRE	79.101
4	GMD	5.915	VND	38.543
5	POW	4.537	HPG	37.758
6	DHG	4.336	SSI	31.132
7	SCS	4.148	CTG	24.828
8	E1VFN30	4.109	HSG	23.434
9	VNM	3.919	HDB	23.072
10	ANV	2.994	DPM	22.143

**HNX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)**

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	IDC	5.933	PVS	2.929
2	TNG	240	CEO	951
3	SDN	198	PLC	480
4	SHS	170	NVB	171
5	MBG	121	TVD	78
6	MBS	106	ICG	28
7	DP3	71	THD	27
8	PCG	65	ONE	12
9	PVI	55	EID	9
10	CAN	38	PSC	4

Nguồn: Fiinpro, VietinBank Securities

# CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Mặt hàng	Đơn vị	24/02/2023	%Ngày	% 5 ngày	%Tháng	%YTD
Oil WTI	USD/bbl.	75,39	1,95%	-3,16%	-5,14%	-5,30%
Oil Brent	USD/bbl.	82,21	2,00%	-0,14%	-3,77%	-3,53%
Thép thanh	CNY/MT	4.261,00	0,38%	1,61%	1,27%	3,47%
Nhôm	USD/MT	2.363,00	-1,05%	-0,16%	-9,58%	0,57%
Đồng	USD/lb.	405,60	-3,08%	-1,19%	-4,35%	6,76%
Than	USD/MT	210,10	0,21%	-1,82%	-41,64%	-48,01%
Đường	USD/lb.	20,34	2,21%	3,14%	10,30%	8,65%
Ngô	USD/bu.	660,25	-2,04%	-2,37%	-2,51%	-2,73%
Gas	USD/MMBtu	2,31	6,44%	-2,13%	-28,24%	-47,75%
Sữa	USD/cwt	17,89	0,06%	-0,22%	-8,16%	-12,60%
Vàng	USD/t oz.	1.826,80	-0,80%	-0,99%	-6,08%	-0,47%
Bạc	USD/t oz.	21,44	-1,73%	-1,71%	-10,20%	-11,18%
Lúa Mỳ	USD/bu.	750,50	0,07%	-3,03%	1,41%	-5,76%
Thịt lợn	USD/lb.	86,20	-0,40%	-0,35%	11,12%	-1,71%
Thép cuộn TQ	CNY/MT	4.380,00	0,41%	2,36%	4,41%	5,62%

## THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng VietinBank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities).

Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của VietinBank Securities.

***Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này!***